

Số: 2381/QĐ-UBND

Quy Nhơn, ngày 03 tháng 5 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Công trình hoàn thành:  
Cải tạo sửa chữa nhà làm việc Hội Chữ thập đỏ thành phố Quy Nhơn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26/5/2015;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 10790/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2022, nguồn ngân sách thành phố;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo sửa chữa nhà làm việc Hội Chữ thập đỏ thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Cải tạo sửa chữa nhà làm việc Hội Chữ thập đỏ thành phố Quy Nhơn;

Xét Tờ trình số 03/TTr-CTĐ ngày 25/3/2024 của Hội Chữ thập đỏ thành phố về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng Công trình: Cải tạo sửa chữa nhà làm việc Hội Chữ thập đỏ thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Quy Nhơn tại Báo cáo số 130/BC-TCKH ngày 19 tháng 4 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

- Tên dự án/công trình: Cải tạo sửa chữa nhà làm việc Hội Chữ thập đỏ thành phố Quy Nhơn
- Chủ đầu tư: Hội Chữ thập đỏ thành phố Quy Nhơn
- Địa điểm thi công: Phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn
- Thời gian khởi công và hoàn thành: Năm 2022
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước





## Điều 2. Kết quả đầu tư

### 1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	TMĐT dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, hoặc DT công trình, hạng mục công trình được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán
1	2	3
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.162.019.000</b>	<b>1.104.062.000</b>
<b>1. Chi phí xây dựng</b>	<b>970.688.000</b>	<b>970.688.000</b>
<b>2. Chi phí quản lý dự án</b>	<b>30.972.000</b>	<b>30.972.000</b>
<b>3. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>94.982.000</b>	<b>94.981.000</b>
- CP lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật		63.094.000
- CP giám sát thi công công trình		31.887.000
<b>4. Chi phí khác</b>	<b>9.899.000</b>	<b>7.421.000</b>
- Chi phí bảo hiểm công trình xây dựng		1.164.000
- CP thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành		6.257.000
<b>5. Dự phòng chi</b>	<b>55.478.000</b>	<b>0</b>

### 2. Vốn đầu tư:

TT	Nội dung	TMĐT dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, hoặc DT công trình, hạng mục công trình được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt (GTQT)	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với GTQT được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với GTQT được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	<b>Tổng số</b>	<b>1.162.019.000</b>	<b>1.104.062.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>104.062.000</b>	

1	Vốn đầu tư công	1.162.019.000	1.104.062.000	1.000.000.000	104.062.000	
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	1.162.019.000	1.104.062.000	1.000.000.000	104.062.000	
	Ngân sách thành phố	1.162.019.000	1.104.062.000	1.000.000.000	104.062.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật					
2	Vốn khác (nếu có)					

### 3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
1	2	3	4	5
<b>Tổng số</b>	<b>1.104.062.000</b>			
1. Tài sản cố định	1.104.062.000			

### 4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

3.1 Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không

3.2 Chi phí không tạo nên tài sản: không

### 5. Vật tư thiết bị tồn đọng: (nếu có)



### Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1 Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	<b>Tổng số</b>	<b>1.104.062.000</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư công</b>	<b>1.104.062.000</b>	
<b>1.1</b>	<b>Vốn ngân sách nhà nước</b>	<b>1.104.062.000</b>	
	Ngân sách thành phố	1.104.062.000	
<b>1.2</b>	<b>Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật</b>		
<b>2</b>	<b>Vốn khác (nếu có)</b>		
	- Vốn ngân sách Trung ương (ghi chi tiết vốn)		
	- Vốn ngân sách địa phương		

1.2 Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 17 tháng 4 năm 2024 là:

- Tổng nợ phải thu: **0 đồng**
- Tổng nợ phải trả: **104.062.000 đồng**
  - + Chi phí xây dựng **97.805.000 đồng** ✓
  - + Chi phí thẩm tra quyết toán CTHT **6.257.000 đồng** ✓

(Nguồn vốn thanh toán: Ngân sách thành phố)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản

Đơn vị tính: Đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
Hội Chữ thập đỏ thành phố	1.104.062.000	

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Định, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. *bl*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT và các PCT UBND TP;
- VP+C6, C17;
- Lưu: VT (12b)

*Quay* *ML*



Nguyễn Công Vịnh